

**DANH SÁCH 441 CĂN NHÀ Ở Ở XÃ HỘI HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG
LAI ĐU ĐỀU KIỆN ĐƯA VÀO KINH DOANH THUỘC THUỘC 20% QUỸ
ĐẤT DƯ ẶN KHU ĐÔ THỊ MỚI HOÀNG HUY GREEN RIVER TẠI XÃ HOA
ĐÔNG, HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (NAY LÀ
PHƯỜNG THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG).**

(Kèm theo Văn bản số 924/SXD-QLN ngày 12 / 9/2025 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
I. NOXH 1 – CHUNG CƯ 1A				
1	CC1A	1	61	
2	CC1A	1	61	
3	CC1A	1	61	
4	CC1A	1	61	
5	CC1A	1	61	
6	CC1A	1	61	
7	CC1A	1	61	
8	CC1A	1	61	
9	CC1A	1	61	
10	CC1A	1	61	
11	CC1A	1	61	
12	CC1A	1	61	
13	CC1A	1	61	
14	CC1A	1	61	
15	CC1A	1	61	
16	CC1A	1	61	
17	CC1A	1	61	
18	CC1A	1	61	
19	CC1A	2	65,4	
20	CC1A	2	65,4	
21	CC1A	2	65,4	
22	CC1A	2	65,4	
23	CC1A	2	65,4	
24	CC1A	2	65,4	
25	CC1A	2	65,4	
26	CC1A	2	65,4	
27	CC1A	2	65,4	
28	CC1A	2	65,4	
29	CC1A	2	65,4	
30	CC1A	2	65,4	
31	CC1A	2	65,4	
32	CC1A	2	65,4	
33	CC1A	2	65,4	
34	CC1A	2	65,4	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
35	CC1A	2	65,4	
36	CC1A	2	65,4	
37	CC1A	3	65,3	
38	CC1A	3	65,3	
39	CC1A	3	65,3	
40	CC1A	3	65,3	
41	CC1A	3	65,3	
42	CC1A	3	65,3	
43	CC1A	3	65,3	
44	CC1A	3	65,3	
45	CC1A	3	65,3	
46	CC1A	3	65,3	
47	CC1A	3	65,3	
48	CC1A	3	65,3	
49	CC1A	3	65,3	
50	CC1A	3	65,3	
51	CC1A	3	65,3	
52	CC1A	3	65,3	
53	CC1A	3	65,3	
54	CC1A	3	65,3	
55	CC1A	4	65,3	
56	CC1A	4	65,3	
57	CC1A	4	65,3	
58	CC1A	4	65,3	
59	CC1A	4	65,3	
60	CC1A	4	65,3	
61	CC1A	4	65,3	
62	CC1A	4	65,3	
63	CC1A	4	65,3	
64	CC1A	4	65,3	
65	CC1A	4	65,3	
66	CC1A	4	65,3	
67	CC1A	4	65,3	
68	CC1A	4	65,3	
69	CC1A	4	65,3	
70	CC1A	4	65,3	
71	CC1A	4	65,3	
II. NOXH 1 – CHUNG CƯ CC3				
72	CC3	1	43,6	
73	CC3	1	43,6	
74	CC3	1	43,6	
75	CC3	1	43,6	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
76	CC3	1	43,6	
77	CC3	1	43,6	
78	CC3	1	43,6	
79	CC3	1	43,6	
80	CC3	1	43,6	
81	CC3	1	43,6	
82	CC3	1	43,6	
83	CC3	1	43,6	
84	CC3	1	43,6	
85	CC3	1	43,6	
86	CC3	1	43,6	
87	CC3	1	43,6	
88	CC3	2	46,6	
89	CC3	2	46,6	
90	CC3	2	46,6	
91	CC3	2	46,6	
92	CC3	2	46,6	
93	CC3	2	46,6	
94	CC3	2	46,6	
95	CC3	2	46,6	
96	CC3	2	46,6	
97	CC3	2	46,6	
98	CC3	2	46,6	
99	CC3	2	46,6	
100	CC3	2	46,6	
101	CC3	2	46,6	
102	CC3	2	46,6	
103	CC3	2	46,6	
104	CC3	3	46,6	
105	CC3	3	46,6	
106	CC3	3	46,6	
107	CC3	3	46,6	
108	CC3	3	46,6	
109	CC3	3	46,6	
110	CC3	3	46,6	
111	CC3	3	46,6	
112	CC3	3	46,6	
113	CC3	3	46,6	
114	CC3	3	46,6	
115	CC3	3	46,6	
116	CC3	3	46,6	
117	CC3	3	46,6	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
118	CC3	3	46,6	
119	CC3	3	46,6	
120	CC3	4	46,6	
121	CC3	4	46,6	
122	CC3	4	46,6	
123	CC3	4	46,6	
124	CC3	4	46,6	
125	CC3	4	46,6	
126	CC3	4	46,6	
127	CC3	4	46,6	
128	CC3	4	46,6	
129	CC3	4	46,6	
130	CC3	4	46,6	
131	CC3	4	46,6	
132	CC3	4	46,6	
133	CC3	4	46,6	
134	CC3	4	46,6	
III. NOXH 2 – CHUNG CƯ CC4				
135	CC4	1	43,6	
136	CC4	1	43,6	
137	CC4	1	43,6	
138	CC4	1	43,6	
139	CC4	1	43,6	
140	CC4	1	43,6	
141	CC4	1	43,6	
142	CC4	1	43,6	
143	CC4	1	43,6	
144	CC4	1	43,6	
145	CC4	1	43,6	
146	CC4	1	43,6	
147	CC4	1	43,6	
148	CC4	1	43,6	
149	CC4	1	43,6	
150	CC4	1	43,6	
151	CC4	1	43,6	
152	CC4	1	43,6	
153	CC4	2	46,6	
154	CC4	2	46,6	
155	CC4	2	46,6	
156	CC4	2	46,6	
157	CC4	2	46,6	
158	CC4	2	46,6	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
159	CC4	2	46,6	
160	CC4	2	46,6	
161	CC4	2	46,6	
162	CC4	2	46,6	
163	CC4	2	46,6	
164	CC4	2	46,6	
165	CC4	2	46,6	
166	CC4	2	46,6	
167	CC4	2	46,6	
168	CC4	2	46,6	
169	CC4	2	46,6	
170	CC4	2	46,6	
171	CC4	3	46,6	
172	CC4	3	46,6	
173	CC4	3	46,6	
174	CC4	3	46,6	
175	CC4	3	46,6	
176	CC4	3	46,6	
177	CC4	3	46,6	
178	CC4	3	46,6	
179	CC4	3	46,6	
180	CC4	3	46,6	
181	CC4	3	46,6	
182	CC4	3	46,6	
183	CC4	3	46,6	
184	CC4	3	46,6	
185	CC4	3	46,6	
186	CC4	3	46,6	
187	CC4	3	46,6	
188	CC4	3	46,6	
189	CC4	4	46,6	
190	CC4	4	46,6	
191	CC4	4	46,6	
192	CC4	4	46,6	
193	CC4	4	46,6	
194	CC4	4	46,6	
195	CC4	4	46,6	
196	CC4	4	46,6	
197	CC4	4	46,6	
198	CC4	4	46,6	
199	CC4	4	46,6	
200	CC4	4	46,6	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
201	CC4	4	46,6	
202	CC4	4	46,6	
203	CC4	4	46,6	
204	CC4	4	46,6	
205	CC4	4	46,6	
IV. NOXH 3 – CHUNG CƯ CC1B				
206	CC1B	1	61	
207	CC1B	1	61	
208	CC1B	1	61	
209	CC1B	1	61	
210	CC1B	1	61	
211	CC1B	1	61	
212	CC1B	1	61	
213	CC1B	1	61	
214	CC1B	1	61	
215	CC1B	1	61	
216	CC1B	1	61	
217	CC1B	1	61	
218	CC1B	1	61	
219	CC1B	1	61	
220	CC1B	1	61	
221	CC1B	1	61	
222	CC1B	1	61	
223	CC1B	1	61	
224	CC1B	2	65,4	
225	CC1B	2	65,4	
226	CC1B	2	65,4	
227	CC1B	2	65,4	
228	CC1B	2	65,4	
229	CC1B	2	65,4	
230	CC1B	2	65,4	
231	CC1B	2	65,4	
232	CC1B	2	65,4	
233	CC1B	2	65,4	
234	CC1B	2	65,4	
235	CC1B	2	65,4	
236	CC1B	2	65,4	
237	CC1B	2	65,4	
238	CC1B	2	65,4	
239	CC1B	2	65,4	
240	CC1B	2	65,4	
241	CC1B	2	65,4	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
242	CC1B	3	65,3	
243	CC1B	3	65,3	
244	CC1B	3	65,3	
245	CC1B	3	65,3	
246	CC1B	3	65,3	
247	CC1B	3	65,3	
248	CC1B	3	65,3	
249	CC1B	3	65,3	
250	CC1B	3	65,3	
251	CC1B	3	65,3	
252	CC1B	3	65,3	
253	CC1B	3	65,3	
254	CC1B	3	65,3	
255	CC1B	3	65,3	
256	CC1B	3	65,3	
257	CC1B	3	65,3	
258	CC1B	3	65,3	
259	CC1B	3	65,3	
260	CC1B	4	65,3	
261	CC1B	4	65,3	
262	CC1B	4	65,3	
263	CC1B	4	65,3	
264	CC1B	4	65,3	
265	CC1B	4	65,3	
266	CC1B	4	65,3	
267	CC1B	4	65,3	
268	CC1B	4	65,3	
269	CC1B	4	65,3	
270	CC1B	4	65,3	
271	CC1B	4	65,3	
272	CC1B	4	65,3	
273	CC1B	4	65,3	
274	CC1B	4	65,3	
275	CC1B	4	65,3	
276	CC1B	4	65,3	
V. NOXH 3 – CHUNG CƯ' CC1C				
277	CC1C	1	61	
278	CC1C	1	61	
279	CC1C	1	61	
280	CC1C	1	61	
281	CC1C	1	61	
282	CC1C	1	61	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
283	CC1C	1	61	
284	CC1C	1	61	
285	CC1C	1	61	
286	CC1C	1	61	
287	CC1C	1	61	
288	CC1C	1	61	
289	CC1C	1	61	
290	CC1C	1	61	
291	CC1C	1	61	
292	CC1C	1	61	
293	CC1C	1	61	
294	CC1C	1	61	
295	CC1C	2	65,4	
296	CC1C	2	65,4	
297	CC1C	2	65,4	
298	CC1C	2	65,4	
299	CC1C	2	65,4	
300	CC1C	2	65,4	
301	CC1C	2	65,4	
302	CC1C	2	65,4	
303	CC1C	2	65,4	
304	CC1C	2	65,4	
305	CC1C	2	65,4	
306	CC1C	2	65,4	
307	CC1C	2	65,4	
308	CC1C	2	65,4	
309	CC1C	2	65,4	
310	CC1C	2	65,4	
311	CC1C	2	65,4	
312	CC1C	2	65,4	
313	CC1C	3	65,3	
314	CC1C	3	65,3	
315	CC1C	3	65,3	
316	CC1C	3	65,3	
317	CC1C	3	65,3	
318	CC1C	3	65,3	
319	CC1C	3	65,3	
320	CC1C	3	65,3	
321	CC1C	3	65,3	
322	CC1C	3	65,3	
323	CC1C	3	65,3	
324	CC1C	3	65,3	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
325	CC1C	3	65,3	
326	CC1C	3	65,3	
327	CC1C	3	65,3	
328	CC1C	3	65,3	
329	CC1C	3	65,3	
330	CC1C	3	65,3	
331	CC1C	4	65,3	
332	CC1C	4	65,3	
333	CC1C	4	65,3	
334	CC1C	4	65,3	
335	CC1C	4	65,3	
336	CC1C	4	65,3	
337	CC1C	4	65,3	
338	CC1C	4	65,3	
339	CC1C	4	65,3	
340	CC1C	4	65,3	
341	CC1C	4	65,3	
342	CC1C	4	65,3	
343	CC1C	4	65,3	
344	CC1C	4	65,3	
345	CC1C	4	65,3	
346	CC1C	4	65,3	
347	CC1C	4	65,3	
VI. NOXH 4 – CHUNG CƯ' CC2A				
348	CC2A	1	63,7	
349	CC2A	1	63,7	
350	CC2A	1	63,7	
351	CC2A	1	63,7	
352	CC2A	1	63,7	
353	CC2A	1	63,7	
354	CC2A	1	63,7	
355	CC2A	1	63,7	
356	CC2A	1	63,7	
357	CC2A	1	63,7	
358	CC2A	1	63,7	
359	CC2A	1	63,7	
360	CC2A	2	69,8	
361	CC2A	2	69,8	
362	CC2A	2	69,8	
363	CC2A	2	69,8	
364	CC2A	2	69,8	
365	CC2A	2	69,8	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
366	CC2A	2	69,8	
367	CC2A	2	69,8	
368	CC2A	2	69,8	
369	CC2A	2	69,8	
370	CC2A	2	69,8	
371	CC2A	2	69,8	
372	CC2A	3	69,8	
373	CC2A	3	69,8	
374	CC2A	3	69,8	
375	CC2A	3	69,8	
376	CC2A	3	69,8	
377	CC2A	3	69,8	
378	CC2A	3	69,8	
379	CC2A	3	69,8	
380	CC2A	3	69,8	
381	CC2A	3	69,8	
382	CC2A	3	69,8	
383	CC2A	3	69,8	
384	CC2A	4	69,8	
385	CC2A	4	69,8	
386	CC2A	4	69,8	
387	CC2A	4	69,8	
388	CC2A	4	69,8	
389	CC2A	4	69,8	
390	CC2A	4	69,8	
391	CC2A	4	69,8	
392	CC2A	4	69,8	
393	CC2A	4	69,8	
394	CC2A	4	69,8	
VII. NOXH 5 – CHUNG CƯ' CC2B				
395	CC2B	1	63,7	
396	CC2B	1	63,7	
397	CC2B	1	63,7	
398	CC2B	1	63,7	
399	CC2B	1	63,7	
400	CC2B	1	63,7	
401	CC2B	1	63,7	
402	CC2B	1	63,7	
403	CC2B	1	63,7	
404	CC2B	1	63,7	
405	CC2B	1	63,7	
406	CC2B	1	63,7	

STT	Tòa nhà	Tầng số	Diện tích thông thủy tạm tính (m ²)	Ghi chú
407	CC2B	2	69,8	
408	CC2B	2	69,8	
409	CC2B	2	69,8	
410	CC2B	2	69,8	
411	CC2B	2	69,8	
412	CC2B	2	69,8	
413	CC2B	2	69,8	
414	CC2B	2	69,8	
415	CC2B	2	69,8	
416	CC2B	2	69,8	
417	CC2B	2	69,8	
418	CC2B	2	69,8	
419	CC2B	3	69,8	
420	CC2B	3	69,8	
421	CC2B	3	69,8	
422	CC2B	3	69,8	
423	CC2B	3	69,8	
424	CC2B	3	69,8	
425	CC2B	3	69,8	
426	CC2B	3	69,8	
427	CC2B	3	69,8	
428	CC2B	3	69,8	
429	CC2B	3	69,8	
430	CC2B	3	69,8	
431	CC2B	4	69,8	
432	CC2B	4	69,8	
433	CC2B	4	69,8	
434	CC2B	4	69,8	
435	CC2B	4	69,8	
436	CC2B	4	69,8	
437	CC2B	4	69,8	
438	CC2B	4	69,8	
439	CC2B	4	69,8	
440	CC2B	4	69,8	
441	CC2B	4	69,8	
TỔNG SỐ 441 CĂN HỘ NOXH DẠNG CHUNG CƯ				